

MỘT SỐ KHOẢNG CÁCH GIỮA CHÍNH SÁCH VÀ THỰC TIỄN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC TRONG CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG

GS.TSKH. ĐẶNG ỨNG VẬN
Trường Đại học Hòa Bình

Chúng ta đang tích cực đổi mới giáo dục (GD) suốt gần 20 năm nay, cùng với sự đổi mới đất nước. Tuy nhiên, cũng chưa bao giờ như lúc này, đổi mới GD lại trở thành một đề tài gây nhiều tranh cãi đến thế. Mọi bức xúc từ phía xã hội đều đổ lên đầu GD, cũng bởi GD đã được coi là lĩnh vực có vai trò hết sức quan trọng. Có được một cái nhìn thật thận trọng, bình tĩnh, khách quan, khoa học, đủ tầm bao quát cả về không gian và thời gian, thật không dễ dàng. Càng không dễ để có thể đưa ra được những chính sách phát triển hợp lí. Sau đây chúng tôi xin xuất một số khoảng cách giữa tư duy chính sách và thực tiễn phát triển giáo dục.

1. Chính sách: nhất thể hóa; Thực tiễn: đa dạng hóa

Nhìn lại lịch sử phát triển lâu dài của GD Việt Nam từ thời kì dựng nước qua các triều đại phong kiến, những năm Pháp thuộc, rồi đến giai đoạn kinh tế kế hoạch hoá tập trung quan liêu, bao cấp, tuy ở mức độ khác nhau, GD Việt Nam vẫn luôn luôn là nền GD tinh hoa, dành cho những cá thể trội, những người có năng lực tiếp thu kiến thức khoa học công nghệ vượt trội và/hoặc những người trong tầng lớp trên của xã hội như trong thời kì phong kiến và thực dân.

Kể từ khi mở cửa, Đảng và Nhà nước chủ trương xã hội hoá GD thì GD Việt Nam đã chuyển dần từng bước sang nền GD cho số đông. Con em chúng ta bị bắt buộc phải đi học cho dù không muốn học (GD phổ cập - các nước gọi là GD bắt buộc - compulsory) hoặc phải đi học nếu không thì không biết làm gì vì không kiếm được việc làm (nét đặc trưng của học sinh, sinh viên Thủ đô so với thanh niên nông thôn) hoặc cần có mảnh bằng để dễ xin việc hoặc cần phải nâng tỉ lệ sinh viên/1 vạn dân cho kịp với các nước trong khu vực và trên thế giới mà trên thực tế, trình độ phát triển cả về kinh tế- xã hội và khoa học công nghệ của một quốc gia đều tỉ lệ

học sinh thực sự là thích học khi có động cơ học tập đúng đắn, ví dụ sinh viên các hệ cử nhân tài năng. Thầy dạy kiểu gì sinh viên vẫn học giỏi vì các em biết tự học và muốn biết cả những điều mà thầy chưa kịp dạy hoặc không dạy. Đại đa số sinh viên được chấp nhận học nghiên cứu sinh ở nước ngoài mà không cần qua khóa bổ túc nào.

Chuyển từ giáo dục tinh hoa sang giáo dục cho số đông, chuyển từ nền giáo dục cho những người thích học sang cho những người đa phần buộc phải đi học, từ một tập thể người học tương đối đồng đều về chất lượng và năng lực sang một tập thể đa dạng cả về năng lực, trình độ và tâm nguyện là một sự biến đổi ghê gớm đối với hệ thống GD. Một trong những hệ quả của việc thụ động (buộc phải đi học) đến trường là thụ động trong học tập làm giảm sút khả năng chủ động, sáng tạo của người học. Những thay đổi này khiến cho mô hình GD tinh hoa và cả xã hội đều không thích ứng kịp.

Xin lấy một ví dụ nhỏ: trong nền GD cho số đông ấy, cùng học một chương trình nhưng sinh viên trường này, học sinh tỉnh này có thể làm thầy sinh viên trường khác, học sinh tỉnh khác, có người cần học thực chất, chất lượng, nhưng có người chỉ cần mua một cái bằng đại học (cho oai). Đồng người học như thế đáng lẽ phải chấp nhận sự phân tầng về chất lượng, nhưng chúng ta vẫn yêu cầu học sinh ở Mù Cang Chải phải cùng học một chương trình, SGK, và cùng có chất lượng như ở Thủ đô hoặc Bắc Ninh thì thực là quá khó đối với hệ thống GD. Đó là điều cần quan tâm khi xây dựng kế hoạch chấn hưng GD nước nhà.

Môi trường chính trị, kinh tế - xã hội không chỉ tác động đến giáo dục - đào tạo mà cả nội dung và chương trình giáo dục, đến phong cách học tập, sự lựa chọn ngành nghề và đặc tính của người giáo viên. Chỉ xin phân tích tình hình hiện nay ở Hà Nội.

Học sinh tiểu học của Thủ đô thậm chí không biết đến con trâu, rừng, thung lũng, con suối và "lưng đèo" là gì. Học sinh THCS Hà Nội sau khi tốt nghiệp, nếu không vào học THPT thì không biết làm việc gì



- khác hẳn học sinh nông thôn hoặc miền núi. Học sinh THPT Hà Nội sau khi tốt nghiệp chắc chắn rất ít em dự thi vào trường lâm nghiệp hoặc thủy sản, địa chất, địa lí, nhưng lại rất thích các ngành nghề thương mại, ngoại ngữ, ngoại giao, quản trị kinh doanh... đơn giản vì người Thủ đô, tức là bố mẹ, họ hàng, hàng xóm các em đại đa số làm những công việc đó, giàu lên từ những công việc đó. Thấy cô giáo Thủ đô rất quan tâm đến chuyện dạy thêm, tìm thu nhập thêm ngoài lương, nhưng ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa cô giáo còn phải đến tận nhà mời các em đến trường hoặc phụ đạo cho học sinh học yếu lên lớp theo tiêu chuẩn thi đua của nhà trường đã giao. Những nét khác biệt ấy tuy rằng rất vi mô, nhưng lại có tác động không nhỏ đến hệ thống GD. Vì thế cũng rất cần được quan tâm khi hoạch định phương hướng phát triển GD.

2. Chính sách: nói không; Thực tiễn: nói có cái gọi là thị trường giáo dục.

Trong khoa học chính trị và đạo đức học giáo dục là lợi ích công cộng. Việc thúc đẩy lợi ích công cộng có nghĩa là mang lại lợi ích cho các thành viên của xã hội, về bản chất, tương đương với việc giúp đỡ tất cả mọi người, hoặc ít nhất là một đa số tuyệt đối trong họ. Khái niệm lợi ích công cộng đồng nghĩa với phúc lợi xã hội¹.

Mặt khác, trên thị trường toàn cầu, các sản phẩm vật thể và phi vật thể của giáo dục đều có thể mua bán được như là hàng hóa cá nhân (private good²). Thị trường ấy được gọi là thị trường các sản phẩm giáo dục - gọi tắt là thị trường GD.

Sản phẩm phi vật thể của giáo dục - sức lao động được phát triển - được tích tụ trong cá nhân mỗi con người, một lần nữa lại được người lao động sở hữu nó bán lại cho các chủ doanh nghiệp và tạo nên *thị trường sức lao động mà Marx đã phân tích rất kĩ trong tác phẩm kiệt xuất Tư bản luận*.

Vì vậy, nếu kết hợp quan điểm kinh tế học với triết học, đạo đức học và khoa học chính trị thì có thể nói giáo dục tạo ra được những *hàng hóa đặc biệt*.

“Đặc biệt” vì nó là sản phẩm của lao động tổng

hợp hay là của “công nhân tập thể” (theo cách nói của Marx) từ những người mở trường, các giáo sư, các nhà quản lí giáo dục, cho đến những công nhân tạp vụ trong nhà trường. Nó cần các tư liệu sản xuất như sách vở, giáo trình, đĩa CD, thiết bị khoa học, giảng đường... và sức lao động từ đơn giản đến phức tạp như là tạp vụ, sửa chữa bảo hành trang thiết bị kĩ thuật ... cho đến việc dạy học của thầy, cô giáo. Sản phẩm tổng hợp đó có giá trị cao hơn nhiều so với những gì mà các thành tố của nó mang lại (vai trò của năng lực cộng hưởng của giáo dục). Nó mang tính nhân văn cao cả và giá trị tinh thần lớn lao không thể tính toán được theo các phương pháp kế toán thông thường.

Khái niệm thị trường GD đã có từ lâu và đặc biệt là ở một số nước phát triển. Thị trường GD có những cơ sở triết học và thực tiễn của nó dựa trên một thực tế không thể phủ nhận được, đó là sự gia tăng nhu cầu học tập để tìm kiếm cơ hội có việc làm, thu nhập cao, đặc biệt là trong số thanh thiếu niên ở các nước đang phát triển muốn du học sang các nước phát triển.

Nắm bắt nhu cầu đó, một số quốc gia, đặc biệt là Australia đã hướng sự phát triển GD, nhất là giáo dục đại học vào khu vực các nước đang phát triển. Họ mở rộng điều kiện nhập học, giảm học phí, nâng cao điều kiện ăn ở sinh hoạt, mở các chương trình bổ túc, mở các ngành học mới (ví dụ kinh tế học phát triển), chủ yếu cho thanh, thiếu niên các nước đang phát triển, mà không phải cho bản thân nhu cầu của nước họ. Như vậy, mặc nhiên hình thành một thị trường giáo dục hướng về xuất khẩu. Thị trường này, tuy chưa có điều tra cụ thể, nhưng đem lại lợi nhuận đáng kể cho các trường đại học và cho quốc gia. Lấy năm 1995 làm ví dụ, học sinh nước ngoài ở Australia đã vượt qua con số 8 vạn, tạo ra thu nhập 1,8 tỉ dollar Australia, trở thành sản phẩm xuất khẩu quan trọng nhất của Australia, đồng thời giảm nhẹ gánh nặng học phí cho sinh viên nước họ. Trong 10 ngành dịch vụ xuất khẩu lớn của Hoa Kỳ nhiều năm liền xuất siêu, giáo dục đứng thứ tư, chỉ sau du lịch, vận tải và tiền tệ. Ưu tiên định hướng thị trường GD đại học trở thành ưu thế ở quy mô toàn cầu của tư bản thị trường và là các nguyên tắc của kinh tế tự do mới.

Chính phủ, ngoài việc tạo hành lang pháp lí cho các hoạt động xuất khẩu giáo dục tại chỗ và ra nước ngoài, còn sử dụng các quỹ hỗ trợ phát triển quốc gia (ví dụ như AUSAID) làm “mồi nhử” thanh, thiếu niên các nước đang phát triển du học tới quốc gia họ. Trong khi đó, trong nước họ vẫn duy trì một chế

1. Nguyên văn định nghĩa của Wikipedia: In ethics and political scienceto promote the common good means to benefit members of society. Thus, in essence, helping the common good equates with helping all people, or at least the vast majority of them. In that sense, the term could be synonymous with the general welfare.

2. Cá nhân (private) ở đây là trong tương quan với public (công cộng) trong hàng hóa công cộng. Không ám chỉ việc do tư nhân cung cấp (private sector).

độ bảo hộ đối với GD.

Điều quan trọng là lúc này đây không nên lầm lẫn về quan niệm và thái độ đối với thị trường xuất khẩu GD và sự nghiệp GD quốc dân. Ngay cả trên thế giới, khi nói đến thị trường GD (nội địa) người ta vẫn luôn nhấn mạnh đến tính chất đặc biệt của nó, một thị trường không hoàn hảo, cạnh tranh không hoàn hảo, chỉ giống như là thị trường (quasi-market), thậm chí, có học giả đã nói đến sự thất bại của thị trường³ trong GD.

Tuy rằng "Thị trường là nơi mà bạn tự do chọn lựa cái tốt nhất và cũng là nơi bạn phải đưa ra cái tốt nhất để không bị loại bỏ. Và điều đó là quan trọng như nhau đối với GD cũng như với bất kì khu vực dịch vụ công nào khác (Kuzminov)"³ nhưng theo quan niệm GD, không tồn tại "trao đổi giáo dục", hoạt động giữa người dạy và người học không phải là hoạt động GD được triển khai theo nguyên tắc trao đổi tương đương của thị trường. Sự xung đột về nguyên tắc đó khiến cho GD đã và đang bị mặt trái của thị trường công kích dữ dội. Nhà nước cần có sự trợ giúp cho GD trong cuộc đối đầu này.

Đối với Việt Nam, chúng ta cần nghiên cứu kĩ mọi khía cạnh của sự phát triển GD trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trước xu thế hội nhập quốc tế, phát huy những mặt tích cực, ngăn chặn những hạn chế, tiêu cực của thị trường trong phát triển GD. Tuy nhiên từ kinh nghiệm quốc tế cần thấy rằng việc đánh đồng về quan niệm và thái độ đối với thị trường giáo dục toàn cầu (xuất/nhập khẩu GD) và nhu cầu phát triển GD quốc gia dễ dẫn đến những giải pháp có tính cực đoan, khó kiểm soát, khi chưa đủ cơ chế, chính sách quản lí và năng lực khắc phục có hiệu quả những khiếm khuyết tiềm ẩn của thị trường.

3. Chính sách: nói không vì lợi nhuận; Thực tiễn: nói vì lợi nhuận.

Có nhiều người cho rằng một khi đã chấp nhận GD là "môi trường đầu tư" thì phải chấp nhận luôn "lợi nhuận" do hành vi "đầu tư" mang lại. Số khác lại cho rằng không phải mọi đầu tư đều có mục đích duy nhất là tìm kiếm "lợi nhuận"; thậm chí trong một số trường hợp biết chắc chắn nếu đầu tư thì sẽ "lỗ vốn", nhưng vẫn phải đầu tư. Chúng tôi nhận

3. Trích dẫn bởi Gorbunova, E, Zabaev, I., The Role of Universities in the Transformation of Societies. An international research project. The role of the Moscow High School of Social and Economic Sciences in the transforming the system of education in Russia. Progress report, Nov 2002.

thấy cần hiểu đúng khái niệm "lợi nhuận" do GD mang lại. Lợi nhuận trong đầu tư cho GD có hai phần: phần của cá nhân và phần của xã hội.

Nhà nước đầu tư cho GD để mang lại lợi ích cho toàn xã hội. GD là động lực phát triển kinh tế - xã hội, là yếu tố cơ bản để tăng sức cạnh tranh của nền kinh tế. Đây chính là nguyên nhân, là bản chất và cũng là luận cứ cơ bản cho các trường phái xem GD là lợi ích công cộng, đòi hỏi nhà nước phải đầu tư cho GD.

Các thành phần kinh tế đầu tư cho GD để tăng chất lượng người lao động, từ đó tăng năng suất lao động, tăng chất lượng sản phẩm, hạ giá thành và tăng sức cạnh tranh.

Gia đình và cá nhân đầu tư cho GD để tăng năng lực hiểu biết, cơ hội tìm kiếm việc làm, tăng thu nhập cá nhân do tăng năng suất lao động và khả năng kiếm được việc làm có lương cao hơn.

Về phía cá nhân thì ngay cả khi không được sự hỗ trợ của Chính phủ họ cũng tìm cách đầu tư cho tương lai của mình thông qua việc học được những kĩ năng nghề nghiệp nhằm tăng thu nhập khi đi làm công ăn lương hoặc tăng khả năng trở thành những ông chủ của những doanh nghiệp làm ăn phát đạt.

Lợi nhuận do GD mang lại không được thể hiện trực tiếp và cụ thể như những hoạt động kinh tế.

Vậy, có hay không có lợi nhuận đối với người mở trường? Về nguyên tắc, điều kiện để một đề án có thể thực hiện được là:

$$\text{Tổng thu} - \text{tổng chi} = 0$$

Phần chênh lệch thu (tổng học phí) và chi nếu có của một trường học có được là do nhà trường đã "bớt" phần đáng lẽ phải chi để nâng cao điều kiện và chất lượng học tập cho học sinh, sinh viên (khoản chi không có giới hạn, không biết thế nào là đủ nên có tính bất định cao) hoặc phải trả cho giáo viên và những người lao động khác trong trường.

Nếu cho rằng nhà trường cần bớt hai phần chi đó để có phần chênh lệch dương, tức là đã chấp nhận có sự mua bán theo thoả thuận trong GD - tức là chấp nhận thương mại hoá GD. Lúc đó mọi người gắn với việc vận hành và tổ chức các hoạt động GD trong nhà trường phải được chia phần, nếu không, lãnh đạo trường sẽ thành các ông chủ thuê nhân công GD như các nhà máy GD ở Anh theo cách nói của Marx.

Tuy vậy, lợi nhuận mà kinh doanh GD đem lại

4. Đã bao gồm chiết khấu vốn đầu tư.



không mâu thuẫn với tính phi doanh lợi của GD. Tính phi doanh lợi của GD là tính chất và bản chất của GD. Mục đích cơ bản của GD là đào tạo con người, nhưng điều này cùng với GD cần phải hạch toán giá thành làm cho GD tăng thu nhập hết mức có thể, giảm bớt chi phí, nâng cao hiệu ích xã hội và kinh tế của việc tổ chức giảng dạy. Điều này không mâu thuẫn, nếu chúng ta xét đến hai đặc điểm lớn của kinh doanh GD.

Thứ nhất, lợi nhuận thu được của kinh doanh GD, tức là thu lợi, nguồn vốn cơ bản để phát triển GD, tiếp tục phát triển sự nghiệp GD, không tồn tại vấn đề phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

Thứ hai, lợi nhuận kinh doanh GD thu được thường không được vượt quá lãi suất của ngân hàng và lãi suất của trái phiếu chính phủ. Như vậy, về cơ bản sẽ có thể bảo đảm đặc trưng tính phi doanh lợi của GD.

Như vậy, nếu lập luận rằng, nhà trường cần bớt hai phần chi (cho giáo viên và cho sinh viên) để phát triển thông qua tái đầu tư cho cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học, v.v... nhằm tạo điều kiện không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo của trường thì sẽ dẫn tới hình thái "không vì mục đích kinh doanh kiếm lời" của các tổ chức GD (phi lợi nhuận). Trong trường hợp đó, tuy không trực tiếp được hưởng lợi trong việc tái đầu tư này nhưng người học được hưởng lợi từ những người học khoá trước mang lại.

Và tất nhiên, sẽ có nhiều hình thái trung gian giữa một bên là vì lợi nhuận tối đa được chia hết cho chủ sở hữu của trường và bên kia là phần chênh lệch không chia cho các cá nhân mà được dành cho đầu tư phát triển. Bao nhiêu cho lợi nhuận, bao nhiêu cho đầu tư phát triển đều được quyết định bởi chính thị trường hoặc do một sự định chế nào đó của Nhà nước. Khi cung cầu đạt tới cân bằng, sự cạnh tranh đòi hỏi các trường đại học phải chú ý nhiều hơn đến quyền lợi người học, người dạy bằng cách giảm chênh lệch thu chi và tăng tỉ trọng tái đầu tư.

4. Chính sách: yêu cầu cao; Thực tiễn: không đủ nguồn lực và điều kiện.

QĐ 07/2009: Có tổng diện tích đất xây dựng trường không ít hơn 5 ha; thực hiện mức bình quân tối thiểu diện tích 25m²/1 SV tại thời điểm có quy mô đào tạo cao nhất. Diện tích nhà đã xây dựng đưa vào sử dụng đạt bình quân tối thiểu 9m²/sinh viên, trong đó diện tích học tập 6m²/sinh viên, diện tích

nhà ở và sinh hoạt đạt tối thiểu 3m²/sinh viên, diện tích làm việc cho giảng viên tối thiểu 8m²/người.

Thực tiễn cho thấy, để đạt được các chỉ tiêu trên đây với một trường có 10.000 sinh viên, theo giá cả hiện hữu cần có:

25x10.000 = 250.000 m² = 25 ha mặt bằng. Chi phí để có được cơ sở hạ tầng bao gồm từ việc thiết kế quy hoạch, giải phóng mặt bằng, thuê đất, tiền thuê đất làm đường, nước, điện ...

2.000.000đ/m² x 250.000 m² = 500 tỉ đồng

Xây chỗ học cho sinh viên:

60.000 m² sàn x 3 triệu/m² = 180 tỉ

Xây chỗ làm việc cho giảng viên:

10.000/20 x 8 x 3 triệu/m² = 12 tỉ

Xây chỗ ở cho sinh viên:

10.000x 3 x 3 triệu/m² = 90 tỉ

Cộng chung = 780 tỉ đồng

Giá trên đây chưa tính đến đầu tư chiều sâu về trang thiết bị giảng dạy và nghiên cứu

Nếu tính lãi suất cho vay thấp nhất - ưu đãi thì mỗi năm trường cũng phải trả tới 90 tỉ đồng tiền lãi. Quy cho 1 sinh viên thì mỗi sinh viên chịu 9,0 triệu đồng chỉ để trường trả lãi vốn vay vốn góp. Chưa kể chi phí thường xuyên.

Vậy, học phí phải lấy bao nhiêu? Nếu trường tổ chức kinh doanh rất giỏi, có thể có chênh lệch thu chi 20% tổng học phí. Vậy học phí tối thiểu là 45 triệu đồng/năm và 4.500.000đ/tháng (giá cả hiện tại).

Trong khi đó mục tiêu của xã hội hóa không phải là hướng vào con nhà giầu (con cái họ được gửi đi học nước ngoài), mà là hướng tới những gia đình nghèo không có điều kiện cho đi học nước ngoài, cũng như hướng tới nhu cầu học tập của số đông với tín dụng sinh viên 850.000đ/tháng.

Cũng trong chuyện xây dựng này, Quốc hội đề nghị trong vòng 2 năm các trường phải hoàn thành việc xây dựng ở cơ sở đã đăng kí. Thực tiễn cho thấy, 2 năm là thời gian tối thiểu để có được cơ sở hạ tầng. Trên 10 năm như ĐHQGHN cũng chưa thể hoàn tất việc xây dựng khi mà cả kinh phí và đất đai đều được Nhà nước chu cấp.

5. Chính sách: chất lượng cao; Thực tiễn: nhu cầu tiếp cận giáo dục lớn.

Cần nghiêm túc xem xét việc quy định và xác định điểm sàn ở tầm vĩ mô. Thực chất điểm sàn không phải là chuẩn để đánh giá chất lượng GD, bởi vì hoàn toàn do kết luận phần nào mang tính cảm tính của

hơn 30 thành viên Hội đồng xác định điểm sàn và phụ thuộc chủ yếu vào độ khó của đề thi. Về mặt luật pháp, quyền được học đại học của thí sinh phụ thuộc vào phiên họp của Hội đồng này chứ không phải do Quốc hội quyết định. Việc xác định điểm sàn cao sẽ khiến cho hàng chục ngàn thí sinh bị tước đi quyền học đại học.

Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo sớm ban hành quy trình mở ngành và sớm thực hiện việc kiểm định mở ngành, tạo điều kiện cho các trường ngoài công lập mở thêm ngành đào tạo mới. Như vậy, một mặt các trường có điều kiện phát huy hết tiềm năng của mình, mặt khác đây là yếu tố để đảm bảo đào tạo theo nhu cầu xã hội.

Chất lượng là một khái niệm trừu tượng. Ở Việt Nam, nói Đại học quốc gia là có chất lượng cũng đúng khi so sánh với những trường chỉ có 2 năm tuổi, nhưng nói là chưa có chất lượng cũng đúng nếu so sánh với các trường top 200 thậm chí 500. Vậy các trường đại học Việt Nam phải phấn đấu thế nào đây?

Chúng tôi kiến nghị, chất lượng trước hết là sự đáp ứng nhu cầu. Nhu cầu nhân lực và nhu cầu học tập. Chậm đáp ứng nhu cầu là một biểu hiện giảm chất lượng của toàn hệ thống. Thị trường lao động rất năng động và luôn biến động, trong khi đó việc mở ngành mới lại phụ thuộc vào những định chế rất khắt khe và cứng nhắc, điều này khiến cho GD đại học luôn luôn bị lạc hậu so với xã hội. Các trường sẽ buộc phải đào tạo theo những ngành nghề mà xã hội không còn nhu cầu học tập và sử dụng nữa.

Cần phải mạnh dạn đánh đổi (trade off) giữa cái gọi là chất lượng với sự đáp ứng nhu cầu xã hội. Đây chính là vấn đề tư duy cần đổi mới trong việc mở ngành nghề đào tạo của hệ thống GD đại học Việt Nam.

6. Chính sách: Quản lý chặt; Thực tiễn: cần có tư duy chủ cao.

Đổi mới GD là đổi mới khó khăn nhất, lâu dài nhất và phức tạp nhất trong tất cả các đổi mới xã hội, và phải bằng thay đổi tư duy, toàn bộ quyền lực, tổ chức hành chính của hệ thống chính trị đầu não mới tạo ra được cuộc đổi mới triệt để, căn bản, có tính cách mạng trong GD-ĐT.

Một vấn đề đã được thảo luận lâu nay là cải cách hành chính nhà nước, mục tiêu có tính bao trùm, cũng là giải pháp để đổi mới quản lý và cung ứng dịch vụ công, trong đó có GD. Theo chúng tôi hiểu thì quản lý nhà nước có thể có nhiều cấp độ. Thuật ngữ tiếng Anh Management là quản lý mang mẫu

sắc doanh nghiệp - mẫu sắc quản trị trong cụm từ quản trị kinh doanh (business management) khác với quản lý nhà nước trong "regulate" (quy định, quy chế) và ở cấp cao hơn "govern" (cai trị, cầm quyền). Các tài liệu tiếng Việt chỉ dùng một từ quản lý cho mọi cấp nên rất khó làm rõ nội dung của quản lý nhà nước.

Sở dĩ phải rạch ròi như vậy, vì việc đổi mới GD đòi hỏi phải thay đổi tư duy GD, nội dung và phương thức quản lý nhà nước.

Nói một cách tổng thể, giữa Nhà nước và thị trường trong những năm 1980 sau sự chuyển hướng từ "thị trường nhỏ và Nhà nước lớn" sang "thị trường lớn và Nhà nước nhỏ nhưng có năng lực", sự tương tác lẫn nhau giữa Nhà nước với GD trên thế giới cũng chuyển từ kiểu Nhà nước định chế sang kiểu Nhà nước giám sát (state supervising model).

Điều đáng chú ý là, GD, đặc biệt là GD đại học tuy đã giành được tính tự chủ khá lớn từ tay Nhà nước, nhưng cơ chế thị trường lại trở thành sự trói buộc mới mà GD khó có thể thoát ra về các mặt như kinh phí, học phí, quản lý, nhân sự và đánh giá... và điều đã nảy sinh những ảnh hưởng sâu rộng⁴.

Hồ Chủ tịch trước khi bay sang Paris đã dặn quyền Chủ tịch nước Huỳnh Thúc Kháng "Đĩ bất biến ứng vạn biến". Điều này ứng dụng trong GD có thể hiểu là lấy mục tiêu tối thượng của GD là nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực và bồi dưỡng nhân tài cho đất nước làm cái bất biến, nội dung, chương trình, phương thức, tổ chức hệ thống GD là cái khả biến để đáp ứng với những biến động sấm sét của thị trường. "Vạn biến như lôi nhất tâm thiên định". Không áp đặt toàn bộ hệ thống theo một mô hình cứng nhắc, bao cấp và quan liêu mệnh lệnh để đối lại với cái hết sức đa dạng và phong phú của thực tiễn GD quốc dân trong nền kinh tế thị trường vì thị trường không ngoan ngoãn như cấp dưới của một cơ quan hành chính. Phải chăng đó là cái bước khởi đầu để đổi mới toàn diện và triệt để GD Việt Nam.

7. Kết luận

Trong bối cảnh GD dục bị phê phán rất nặng nề, nhiều giải pháp đổi mới, nhiều thử nghiệm đã được thực hiện, từ mô hình, cơ cấu hệ thống, đến nội dung, chương trình, sách giáo khoa..., nhưng có một thực tế là những đổi mới này chưa tạo ra được những chuyển biến tích cực khiến xã hội có thể yên tâm. Bức xúc trong xã hội vẫn còn nhiều. Tại

(Xem tiếp trang 16)